Bảng cửu chương: phiếu luyện tập có đáp án

Phiếu in cho con lớp 2–3 · ôn bảng nhân, bảng chia 2–9 bằng hiểu và trò chơi · 10 bài, đáp án ở cuối

Họ tên: Lớp: Ngày:

Gợi ý cho bố mẹ: mỗi ngày chỉ làm 1–2 bài, 5–10 phút. Cho con xếp hạt đậu hoặc vẽ chấm tròn khi quên. Đừng bấm giờ ở bài 1–7, chỉ bấm giờ ở bài 8.

Phần 1: Điền bảng nhân

Bài 1. Điền các số còn thiếu vào bảng. Ô nào con quên, hãy suy ra từ bảng đã biết (ví dụ 4 × 7: gấp đôi 7 là 14, gấp đôi nữa là 28).

×	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3		6			15				27	
4	4			16				32		40
6			18			36				60
7	7				35		49		63	
8		16		32				64		

Bài 2. Tìm số còn thiếu.

____ × 6 = 42

____ × 9 = 72

____ × 4 = 36

____ × 6 = 54

8 × ____ = 56

7 × ____ = 35

3 × ____ = 27

8 × ____ = 64

Phần 2: Suy ra bảng mới từ bảng đã biết

Bài 3. Điền số còn thiếu để suy ra kết quả.

7 × 6: biết 7 × 5 = 35, thêm một nhóm 7: 35 + 7 = _____

4 × 7: 7 gấp đôi là 14, gấp đôi nữa là _____

8 × 6: biết 4 × 6 = 24, gấp đôi: 24 × 2 = _____

9 × 7: nhân 10 rồi bớt một nhóm: 70 − 7 = _____

3 × 8: nhân 2 rồi thêm một nhóm 8: 16 + 8 = _____

5 × 8: nhân 10 rồi lấy một nửa: 80 : 2 = _____

7 × 8: nhân 5 cộng nhân 2 (40 + 16): _____

9 × 6: nhân 10 rồi bớt một nhóm: 60 − 6 = _____

Phần 3: Hiểu phép nhân là nhiều nhóm bằng nhau

Bài 4. Con xếp 3 đĩa, mỗi đĩa 4 hạt đậu (● ● ● ●). Viết phép cộng và phép nhân, rồi đổi chỗ hai thừa số.

Phép cộng: _____ + _____ + _____ = _____

Phép nhân: 4 × _____ = _____

Đổi chỗ: _____ × 4 = _____

Bài 5. Mỗi hộp có 6 chiếc bút, có 4 hộp. Tất cả có bao nhiêu chiếc bút?

Phép tính: _____ × _____ = _____. Đáp số: _____ chiếc bút.

Phần 4: Gia đình phép tính (nhân và chia)

Bài 6. Mỗi "gia đình" có ba số. Viết đủ bốn phép tính theo mẫu: 3 × 4 = 12 ; 4 × 3 = 12 ; 12 : 3 = 4 ; 12 : 4 = 3.

Ba số	Nhân	Nhân (đổi chỗ)	Chia	Chia
3, 4, 12	3 × 4 = 12	4 × 3 = 12	12 : 3 = 4	12 : 4 = 3
6, 7, 42	6 × 7 =	7 × 6 =	42 : 6 =	42 : 7 =
8, 9, 72	8 × 9 =	9 × 8 =	72 : 8 =	72 : 9 =
5, 6, 30	5 × 6 =	6 × 5 =	30 : 5 =	30 : 6 =

Phần 5: Trò chơi "Đố ngược"

Bài 7. Tìm tất cả các phép nhân có hai thừa số từ 2 đến 9 và kết quả bằng số cho trước. Nhớ đổi chỗ thừa số cũng tính là một phép khác.

Kết quả 12: ____ ____ ____ ____

Kết quả 24: ____ ____ ____ ____

Kết quả 36: ____ ____ ____

Phần 6: Bảng chia

Bài 8. Làm phép chia bằng cách hỏi: "Số chia nhân mấy bằng số bị chia?". Ví dụ: 42 : 7, hỏi "7 nhân mấy bằng 42?".

42 : 7 = ____ 56 : 8 = ____

27 : 3 = ____ 63 : 9 = ____

48 : 6 = ____ 35 : 5 = ____

72 : 8 = ____ 24 : 4 = ____

54 : 6 = ____ 81 : 9 = ____

Bài 9. Giải bài toán. Trước khi tính, hãy hỏi: có mấy nhóm, mỗi nhóm mấy, hay đang chia đều?

a) Mỗi bàn có 4 bạn. 9 bàn có bao nhiêu bạn?
Phép tính: ____ ____ ____ = ____. Đáp số: ____

b) Một tuần có 7 ngày. 5 tuần có bao nhiêu ngày?
Phép tính: ____ ____ ____ = ____. Đáp số: ____

c) Có 42 quyển vở chia đều cho 7 bạn. Mỗi bạn được mấy quyển?
Phép tính: ____ ____ ____ = ____. Đáp số: ____

d) Có 56 viên kẹo, xếp mỗi đĩa 8 viên. Xếp được mấy đĩa?
Phép tính: ____ ____ ____ = ____. Đáp số: ____

Phần 7: Thử thách 1 phút

Bài 10. Bấm giờ 1 phút, làm được bao nhiêu phép? Ghi lại số câu đúng mỗi ngày và thi đua với chính mình hôm qua.

Lượt A

6 × 8 = ____	7 × 4 = ____	9 × 3 = ____
5 × 7 = ____	8 × 8 = ____	3 × 6 = ____
4 × 9 = ____	7 × 7 = ____	6 × 6 = ____
8 × 5 = ____		

Lượt B

7 × 8 = ____	9 × 6 = ____	4 × 4 = ____
3 × 7 = ____	6 × 5 = ____	8 × 3 = ____
9 × 9 = ____	2 × 7 = ____	7 × 6 = ____
5 × 5 = ____		

Số câu đúng: Lượt A ____ /10 · Lượt B ____ /10

Trò chơi: Bingo bảng nhân

Điền 9 số tùy chọn vào thẻ, chọn trong các kết quả của bảng đang học (ví dụ 12, 18, 21, 24, 28, 32, 36, 42, 48). Bố mẹ đọc phép nhân (“sáu nhân bảy”), ai có kết quả thì đánh dấu. Ba ô thẳng hàng là thắng.

Thẻ của con

Thẻ của bố mẹ

Đáp án và gợi ý cho bố mẹ

Bài 1. Hàng 3: 3, 6, 9, 12, 15, 18, 21, 24, 27, 30
Hàng 4: 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40
Hàng 6: 6, 12, 18, 24, 30, 36, 42, 48, 54, 60
Hàng 7: 7, 14, 21, 28, 35, 42, 49, 56, 63, 70
Hàng 8: 8, 16, 24, 32, 40, 48, 56, 64, 72, 80

Bài 2.

7 × 6 = 42	8 × 7 = 56	8 × 9 = 72
7 × 5 = 35	9 × 4 = 36	3 × 9 = 27
9 × 6 = 54	8 × 8 = 64	

Bài 3.

7 × 6 = 42	4 × 7 = 28	8 × 6 = 48
9 × 7 = 63	3 × 8 = 24	5 × 8 = 40
7 × 8 = 56	9 × 6 = 54	

Bài 4. 4 + 4 + 4 = 12; 4 × 3 = 12; 3 × 4 = 12

Bài 5. 6 × 4 = 24 (hoặc 4 × 6 = 24). Đáp số: 24 chiếc bút.

Bài 6. (6, 7, 42): 6 × 7 = 42; 7 × 6 = 42; 42 : 6 = 7; 42 : 7 = 6
(8, 9, 72): 8 × 9 = 72; 9 × 8 = 72; 72 : 8 = 9; 72 : 9 = 8
(5, 6, 30): 5 × 6 = 30; 6 × 5 = 30; 30 : 5 = 6; 30 : 6 = 5

Bài 7. Kết quả 12: 2 × 6, 3 × 4, 4 × 3, 6 × 2
Kết quả 24: 3 × 8, 4 × 6, 6 × 4, 8 × 3
Kết quả 36: 4 × 9, 6 × 6, 9 × 4

Bài 8.

42 : 7 = 6	56 : 8 = 7	27 : 3 = 9
63 : 9 = 7	48 : 6 = 8	35 : 5 = 7
72 : 8 = 9	24 : 4 = 6	54 : 6 = 9
81 : 9 = 9		

Bài 9. a) 4 × 9 = 36. Đáp số: 36 bạn.
b) 7 × 5 = 35. Đáp số: 35 ngày.
c) 42 : 7 = 6. Đáp số: 6 quyển.
d) 56 : 8 = 7. Đáp số: 7 đĩa.

Bài 10. **Lượt A:**

6 × 8 = 48	7 × 4 = 28	9 × 3 = 27
5 × 7 = 35	8 × 8 = 64	3 × 6 = 18
4 × 9 = 36	7 × 7 = 49	6 × 6 = 36
8 × 5 = 40		

Lượt B:

7 × 8 = 56	9 × 6 = 54	4 × 4 = 16
3 × 7 = 21	6 × 5 = 30	8 × 3 = 24
9 × 9 = 81	2 × 7 = 14	7 × 6 = 42
5 × 5 = 25		

Nếu con sai, đừng đọc đáp án ngay. Hỏi: "Con thử suy ra từ bảng nào con biết?" hoặc để con xếp lại hạt đậu thành hàng và cột. Phần lớn lỗi nằm ở các phép giữa 6, 7, 8: luyện riêng 7 × 7 = 49, 7 × 8 = 56 và 8 × 8 = 64.

Giải thích cách học và thêm trò chơi: math-vn.com/blog/bang-cuu-chuong/